

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hưng.

Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn R - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T1, tỉnh L1. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09-4-2021).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Đ, tỉnh L1. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29-4-2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2021, các văn bản tiếp theo nguyên đơn ông Lê Văn R trình bày: ông R và bà Nguyễn Thị Kim L cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 29-12-2004 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nhưng không giải quyết được. Từ năm 2008, bà L về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Ông R yêu cầu ly hôn với bà L. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Minh P (sinh ngày 24-4-2006, hiện đang sống chung với ông R) và Nguyễn Thị Bé N (sinh ngày 07-7-2008, hiện đang sống chung với bà L). Ông R yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với

ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại bản tự khai ngày 29-4-2021, bà Nguyễn Thị Kim L khai thống nhất với lời khai của ông R về điều kiện kết hôn, có 02 con chung, tình trạng hôn nhân và hiện cả hai đang sống ly thân với nhau, không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà L khai mâu thuẫn phát sinh từ giữa năm 2007, bà L và ông R đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông R. Về con chung, bà L yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Lê Văn R khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L. Bà L cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An.

[2]. Về thủ tục tố tụng: bà L và ông R đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải, ông R có đơn xin không hòa giải ngày 09-4-2021 vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông R và bà L vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông R: ông R và bà L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 29-12-2004 tại UBND xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông R và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Ông R và bà L khai thống nhất nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và đều không có thiện chí đoàn tụ. Ông R yêu cầu ly hôn, bà L cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của ông R và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của ông R có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về nuôi con chung: Con chung tên Lê Minh P đang do ông R nuôi dưỡng và thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ông R nên giao cho ông R tiếp tục nuôi. Con chung tên Nguyễn Thị Bé N đang do bà L nuôi dưỡng và thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà L nên giao cho bà L tiếp tục nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông R và bà L đều không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông R và bà L cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R đối với bà Nguyễn Thị Kim L về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho ông Lê Văn R được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: ông Lê Văn R được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Minh P (sinh ngày 24-4-2006, hiện đang sống chung với ông R). Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bé N (sinh ngày 07-7-2008, hiện đang sống chung với bà L). Ghi nhận việc ông R và bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông R và bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, ông R và bà L được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông R đã nộp theo biên lai thu số 0009043 ngày 16-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên